

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2019/HS-ST

Ngày: 24/4/2019

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Minh Thảo;  
Ông Phạm Văn Tiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa:** Bà Ninh Thị Tám - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 145/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

**Bùi Ngọc H**, sinh năm 1990 tại Thanh Hóa, Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn C 2, xã T, huyện Thiệu H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Ngọc C và bà Lê Thị T; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 23/6/2015, bị TAND tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm xử phạt 21 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2018 đến ngày 26/12/2018 chuyển tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 4, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 05 phút ngày 23/12/2018, Bùi Ngọc H đi xe máy BKS 29H1-0230 của H từ phòng trọ ở phường Q ra đường H, phường Đ, TP Thanh Hóa theo hướng đi ngã tư V, khi đi đến đoạn gần ngã tư V, H phát hiện thấy chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 ở thôn 4, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đi xe máy

phía trước cùng chiều với H, trên lưng chị T có đeo chiếc ba lô, bên trong ba lô đựng một điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng và một chiếc ví da bên trong ví da có 1.720.000đ tiền mặt. H nảy sinh ý định cướp giật chiếc ba lô của chị T, H điều khiển xe máy đuổi theo đi áp sát bên trái xe chị T, dùng tay phải giật chiếc ba lô rồi tăng ga bỏ chạy về phía ngã tư V. Thấy vậy chị T vừa tri hô cướp, cướp vừa phóng xe đuổi theo, khi H chạy đến ngã tư V thì bị va chạm với xe ô tô buýt đi ngược chiều, cùng lúc bị tổ Công tác đội Cảnh sát giao thông và đội Cảnh sát trật tự Công an phường Đ phối hợp bắt quả tang thu giữ tang vật và thu giữ của H 01 xe mô tô BKS 29H1-0230, 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus màu xám đen, 01 ví da màu đen bên trong có 70.000đ, một đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Hồng P của xe mô tô BKS 29H1 - 0230, một căn cước công dân, một giấy phép lái xe và một thẻ bảo hiểm y tế mang tên Bùi Ngọc H (BL 01, 02, 18, 26-36).

Chị Nguyễn Thị T báo cáo, tài sản của chị bị Bùi Ngọc H chiếm đoạt là một chiếc ba lô đen đã cũ (không còn giá trị sử dụng) bên trong có một chiếc điện thoại di động Iphone6 Plus màu vàng và một chiếc ví da đã cũ (không còn giá trị sử dụng) bên trong có 1.720.000đ. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tất cả các tài sản nêu trên cho chị T, chị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì (BL 20, 51, 52).

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 6s màu xám đen, 01 ví da màu đen bên trong có 70.000đ, một căn cước công dân, một giấy phép lái xe và một thẻ bảo hiểm y tế mang tên Bùi Ngọc H là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, do bị cáo đang bị tạm giam nên Cơ quan điều tra đã trả lại tất cả các tài sản nêu trên của bị cáo cho mẹ bị cáo là bà Lê Thị T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐ ĐGT ngày 08/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận chiếc điện thoại Iphone 6 Plus có giá 11.050.000đ.

Tại bản cáo trạng số 126/CT-VKSTP ngày 01/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân TP Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Bùi Ngọc H về tội: “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù.

Xử lý vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước công cụ phương tiện phạm tội là chiếc xe mô tô BKS 29H1-0230 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Hồng P.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung truy tố của cáo trạng và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an TP Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP Thanh Hóa, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay Bùi Ngọc H khai nhận: Khoảng 15 giờ 05 phút ngày 23/12/2018, Bùi Ngọc H điều khiển xe máy BKS 29-0230, dùng tay phải cướp giật chiếc ba lô của chị Nguyễn Thị T đi xe máy cùng chiều, bên trong ba lô có 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng trị giá 11.050.000đ và 1.720.000đ tiền mặt, tổng giá trị tài sản là 12.770.000đ thì bị phát hiện bắt quả tang tại đoạn đường ngã tư V, phường Đ, TP Thanh Hóa. Bị cáo đã dùng xe máy là phương tiện nguy hiểm để thực hiện hành vi phạm tội đối với chị T cũng đang đi xe máy cùng chiều, là hình thức dễ dàng gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt “dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo dùng xe máy là phương tiện nguy hiểm để tiếp cận người bị hại cũng đang điều khiển xe máy, dùng tay phải giật tài sản của bị hại, hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và mất lòng tin trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã từng bị xét

xử về tội cướp giật tài sản nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội cùng loại, hơn ai hết bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện dưới hình thức lẩn tránh với mục đích tư lợi, vì vậy cần phải xử lý nghiêm.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 23/6/2015, bị TAND tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm xử phạt 21 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù ngày 23/5/2016.

Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo; bố bị cáo là người có công với nước, được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba, bị hại có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, địa phương có xác nhận quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo tích cực tham gia cá phong trào thi đua tại thôn, có nhiều đóng góp, xây dựng thôn, thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của nhà nước. Vì vậy nên áp dụng các quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

[6]. Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô của bị cáo BKS 29H1 – 0230, số khung SYS 53TN125M2P \*013983\*, số máy FF713182 và một đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Hồng P hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, là công cụ phương tiện phạm tội vì vậy cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định của khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7]. Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: điểm d Khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Ngọc H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Ngọc H 36 (ba sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 23/12/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận phần trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với bị hại đã giải quyết xong.

Về xử lý vật chứng : Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô BKS 29H1 – 0230, số khung SYS 53TN125M2P \*013983\*, số máy FF713182 và một đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Hồng P hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 127/THA ngày 08/4/2019.

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**Đã ký**

**Trần Thị Thu Phương**